TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T. T.** **THÀNH PHỐ H.**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 28/2022/QĐST-DS	*T., ngày 20 tháng 5 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ khoản 3 Điều 147; Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 351; Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 90, 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 12 tháng 5 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 17/2022/TLST – DS ngày 12 tháng 4 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP A.

Địa chỉ trụ sở: Tầng 6, số 10 P., phường P., quận H., thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Từ Tiến P. - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị T. - Chức vụ: Giám đốc xử lý nợ.

Người được uỷ quyền: Bà Vũ Thúy M. - Chức vụ: Nhân viên xử lý nợ.

- ***Bị đơn***: Ông Phạm Đức L., SN 1949 và bà Nguyễn Thị L., SN 1954

Đều HKTT và nơi ở: Thôn K., xã H., huyện T., TP H.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Phạm Đức L. và bà Nguyễn Thị L. phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần A. (ACB) tổng số tiền theo Hợp đồng tín dụng số: MKH.CN.349.040920 ngày 04/9/2020 tạm tính đến ngày 12/5/2022 là: 1.586.156.215 đồng *(Một tỷ năm trăm tám mươi sáu triệu một trăm năm mươi sáu nghìn hai trăm mười lăm đồng).* Trong đó: nợ gốc là 1.320.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 42.811.644 đồng; Nợ lãi quá hạn: 218.655.493 đồng; Phạt chậm trả lãi: 4.689.078 đồng.

Kể từ ngày 13/5/2022, ông Phạm Đức L. và bà Nguyễn Thị L. phải tiếp tục thanh toán các khoản nợ lãi phát sinh trên số dư nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số MKH.CN.349.040920 ngày 04/9/2020 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Trường hợp ông Phạm Đức L. và bà Nguyễn Thị L. không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ toàn bộ khoản nợ trên cùng lãi phát sinh tại Hợp đồng tín dụng số MKH.CN.349.040920 ngày 04/9/2020 thì ngân hàng TMCP A. có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi toàn bộ khoản nợ. Tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa số 124, tờ bản đồ số 01, diện tích 333m^2 tại thôn K., xã H., huyện T., TP H., theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: CQ 262903, số vào sổ cấp GCN: CS-TTI 09900 do Sở tài nguyên và môi trường thành phố H. cấp ngày 28/3/2019 mang tên ông Phạm Đức L. và bà Nguyễn Thị L. phải thi hành quyết định này khi có xử lý thế chấp.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm nêu trên được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông Phạm Đức L. và bà Nguyễn Thị L. đối với Ngân hàng

TMCP A. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Phạm Đức L. và bà Nguyễn Thị L. vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng TMCP A.

3.*Về án phí*: ông Phạm Đức L. và bà Nguyễn Thị L. chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là **29.792.000** đồng (*Hai mươi chín triệu bẩy trăm chín mươi hai nghìn đồng chẵn)*

Trả lại Ngân hàng TMCP A. số tiền 27.500.000 đồng (Hai mươi bảy triệu, năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2020/0022820 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T. T., thành phố H.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố H.;
- VKSND huyện T. T.;
- Chi cục THADS huyện T. T.;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

THẨM PHÁN

Đoàn Lan H.